

Số: 1168/TB-TDĐTĐN

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học năm 2026

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-TDĐTĐN ngày 10/6/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Kế hoạch số 946/KH-TDĐTĐN ngày 06/7/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi tuyển trình độ thạc sĩ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 994/QĐ-TDĐTĐN ngày 17/7/2026 của Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng về việc phê duyệt thí sinh đủ điều kiện dự tuyển kỳ tuyển sinh trình độ thạc sĩ, ngành Giáo dục học năm 2026,

Căn cứ kết quả thi tuyển ngày 25/7 – 26/7/2026, Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng thông báo kết quả điểm thi như sau:

1. Danh sách thí sinh có kết quả thi:

- Tổng số thí sinh đủ điều kiện dự tuyển: 46 thí sinh;
- Tổng số thí sinh tham gia thi tuyển: 39/46 thí sinh (*kèm theo kết quả điểm*);
- Có 16 thí sinh thuộc diện miễn thi 02 môn cơ sở ngành;
- Có 05 thí sinh thuộc diện tuyển thẳng.

2. Điều kiện trúng tuyển và nhập học

- *Điều kiện xét trúng tuyển:* Thí sinh dự thi phải đạt điểm từ 5,00 trở lên đối với mỗi môn thi Sinh lý TDTT và Lý luận và phương pháp TDTT (thang điểm 10); Môn Ngoại ngữ $\geq 5,00$ (Đạt);

- Thời gian nhập học: ngày 17/9/2026 (nhập học trực tuyến).

3. Thông tin hỗ trợ thí sinh

Phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục, Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng, số 44 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, thành phố Đà Nẵng, số điện thoại: 0932591985 – 0973427101./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐTBĐCLGD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

**HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Phan Thanh Hải**

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Thông báo số 1168/TB-TD TTĐN ngày 14 tháng 8 năm 2026
của Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Sinh ngày	G/T	Số CCCD	Điểm thi/xét tuyển/đánh giá NLNN			Tổng điểm	Ghi chú
					Điểm Sinh lý TDTT	Điểm LL&PP TDTT (Môn thi chủ chốt)	Điểm ĐGNL Ngoại ngữ		
1.	HUỲNH GIA BẢO	02/10/1998	Nam	046098005642	9,00	9,00	7,18	18,00	Xét tuyển
2.	CAO NGỌC CƯỜNG	01/01/1986	Nam	046086000539	8,00	5,75	5,55	13,75	
3.	NGÔ ĐỨC DANH	07/05/1997	Nam	040097005078	8,50	6,75	7,08	15,25	
4.	VŨ TUẤN ĐẠT	05/06/2000	Nam	064200010572	8,50	6,00	5,00	14,50	
5.	TRẦN QUANG ĐẾ	23/01/1992	Nam	051092011714	9,00	9,00	6,15	18,00	Xét tuyển
6.	PHẠM NGỌC ĐÔNG	30/12/1980	Nam	030080011431	8,50	7,25	5,15	15,75	
7.	BÙI THỊ THU HÀ	13/01/1992	Nữ	064192011732	9,00	9,00	6,43	18,00	Xét tuyển
8.	ĐỖ MẠNH HOẠCH	06/12/1991	Nam	066091008178	9,00	9,00	5,23	18,00	Xét tuyển
9.	VÕ THỊ HỒNG	20/06/1979	Nữ	044179002917	9,00	9,00	6,45	18,00	Xét tuyển
10.	NGUYỄN PHI HÙNG	19/06/1999	Nam	048099007209	8,50	6,25	6,30	14,75	
11.	NGUYỄN CẢNH ĐỨC HUY	06/02/2004	Nam	048204001053	9,00	9,00	7,08	18,00	Xét tuyển
12.	NGUYỄN NGỌC HUY	11/07/2002	Nam	049202010075	8,00	7,25	5,80	15,25	
13.	ĐỖ THANH HUYỀN	03/10/2003	Nữ	048303005509	8,00	6,75	6,28	14,75	

TT	Họ và tên	Sinh ngày	G/T	Số CCCD	Điểm thi/xét tuyển/đánh giá NLNN			Tổng điểm	Ghi chú
					Điểm Sinh lý TDTT	Điểm LL&PP TDTT (Môn thi chủ chốt)	Điểm ĐGNL Ngoại ngữ		
14.	NGUYỄN CỬU HÙNG	01/01/1978	Nam	045078000366	8,50	6,75	6,08	15,25	
15.	PHẠM DUY HÙNG	02/06/1983	Nam	056083001571	9,00	9,00	5,53	18,00	Xét tuyển
16.	NGUYỄN VĂN KIN	31/07/1993	Nam	048093000299	8,50	5,00	6,05	13,50	
17.	ĐỖ MINH KHA	05/07/2000	Nam	049200004415	8,50	6,25	6,08	14,75	
18.	PHẠM KHẮC	10/01/2004	Nam	051204001377	7,00	5,25	6,23	12,25	
19.	LÊ THANH MINH	20/02/2004	Nam	046204005361	10,00	10,00	5,80	20,00	Xét tuyển
20.	NGUYỄN PHÚC ANH MINH	20/11/1997	Nam	048097007354	8,00	6,75	7,28	14,75	
21.	PHẠM CÔNG MINH	15/11/1994	Nam	051094011052	9,00	9,00	5,95	18,00	Xét tuyển
22.	PHAN NGUYỄN HỒNG MINH	08/01/2004	Nam	045204003829	9,00	6,50	5,88	15,50	
23.	TRẦN NGỌC TRÀ MY	22/07/1998	Nữ	068198009730	7,00	5,00	6,60	12,00	
24.	TRẦN QUẢNG NAM	25/02/1987	Nam	056087000502	8,00	6,75	5,85	14,75	
25.	NGUYỄN VĂN NINH	27/08/1998	Nam	049098013510	8,50	6,50	5,55	15,00	
26.	PHẠM NGUYỄN	05/06/1994	Nam	049094002763	9,00	9,00	5,85	18,00	Xét tuyển
27.	PHAN THANH THÀNH NHÂN	26/04/2004	Nam	048204000232	9,00	9,00	6,98	18,00	Xét tuyển
28.	ĐẶNG ĐỨC NHẬT	01/08/1984	Nam	04908402015	8,50	5,00	5,25	13,50	
29.	HỒ HOÀNG NHẬT PHONG	01/10/2001	Nam	045201008253	9,00	9,00	6,05	18,00	Xét tuyển

TT	Họ và tên	Sinh ngày	G/T	Số CCCD	Điểm thi/xét tuyển/đánh giá NLNN			Tổng điểm	Ghi chú
					Điểm Sinh lý TDTT	Điểm LL&PP TDTT (Môn thi chủ chốt)	Điểm ĐGNL Ngoại ngữ		
30.	LUU HỮU PHÚC	30/12/2002	Nam	049202005951	8,50	6,50	5,68	15,00	
31.	PHẠM THỊ MỸ QUỲNH	03/11/1997	Nữ	051197010010	10,00	10,00	6,78	20,00	Xét tuyển
32.	NGUYỄN HỮU TÂM	06/08/2000	Nam	051200013420	8,00	6,50	5,50	14,50	
33.	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	16/02/1998	Nữ	048198003016	9,00	9,00	6,13	18,00	Xét tuyển
34.	HÀ NGỌC THÁI	14/02/2003	Nam	064203000408	7,50	5,75	5,58	13,25	
35.	HUỲNH MINH THẮNG	24/05/2000	Nam	049200012159	9,00	9,00	6,75	18,00	Xét tuyển
36.	LÊ THỊ THANH THUỶ	20/06/2001	Nữ	049301002169	9,50	6,25	6,05	15,75	
37.	BIỆN NGỌC VÀNG	06/06/1991	Nam	054091000439	8,00	6,75	6,50	14,75	
38.	TRẦN VĂN VINH	10/05/1996	Nam	049096012772	9,00	9,00	6,13	18,00	Xét tuyển
39.	NGUYỄN THỊ HÀ VY	16/05/1993	Nữ	051193015507	9,50	6,75	7,08	16,25	
40.	TRỊNH THÀNH DŨNG	05/10/2003	Nam	001203022671	Tuyển thẳng				
41.	LÊ THỊ HOA	30/04/1987	Nữ	038187026269	Tuyển thẳng				
42.	HOÀNG THANH HUY	17/09/2003	Nam	048203004869	Tuyển thẳng				
43.	NGUYỄN PHI LONG	13/09/2003	Nam	049203015531	Tuyển thẳng				
44.	ĐINH VĂN SỸ	03/09/2003	Nam	044203002637	Tuyển thẳng				

Danh sách có 44 thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển./.